

Bài 3

BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Giáo dục cho hạ sĩ quan - binh sĩ nhận thức sâu sắc về vị trí, tầm quan trọng, tiềm năng và lợi thế của biển, đảo Việt Nam; nắm vững quan điểm của Đảng, Nhà nước về chủ quyền, biển đảo Việt Nam trong tình hình mới.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của quân nhân trong quán triệt sâu sắc và góp phần tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo; đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái xuyên tạc lãnh thổ quốc gia của Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG

I. VỊ TRÍ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA BIỂN ĐÔNG VÀ BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

1. Vị trí, điều kiện tự nhiên của Biển Đông

- Biển Đông là một biển nửa kín, có diện tích khoảng 3,5 triệu km², trải rộng từ 3⁰ đến 26⁰ vĩ Bắc và từ 100⁰ đến 121⁰ kinh Đông. Có 9 nước tiếp giáp với Biển Đông là Việt Nam, Trung Quốc, Philippin, Indônêxia, Brunây, Malaysia, Xingapo, Thái Lan, Campuchia và một vùng lãnh thổ là Đài Loan.

- Biển Đông là nơi chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên biển quan trọng cho đời sống và sự phát triển kinh tế của các nước xung quanh, đặc biệt là nguồn tài nguyên sinh vật, khoáng sản, du lịch; đồng thời, đây cũng là khu vực đang chịu nhiều sức ép về bảo vệ môi trường sinh thái biển.

- Biển Đông là một trong năm bồn trũng chứa dầu khí lớn nhất thế giới, sản lượng khai thác có thể đạt khoảng 18,5 triệu tấn/năm, duy trì liên tục trong vòng 15-20 năm tới. Ngoài ra, khu vực Biển Đông còn chứa đựng một khối lượng lớn tài nguyên khí đốt đóng băng (băng cháy). Tài nguyên này trên thế giới ngang bằng với trữ lượng dầu khí và đang được coi là nguồn năng lượng thay thế dầu khí trong tương lai.

- Biển Đông nằm trên tuyến đường giao thông biển huyết mạch nối liền Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, châu Âu - châu Á, Trung Đông - châu Á. Đây được coi là tuyến đường vận tải quốc tế nhộn nhịp thứ hai của thế giới. Mỗi ngày có khoảng 150 - 200 tàu các loại qua lại Biển Đông. Hơn 90% lượng vận tải thương mại của thế giới thực hiện bằng đường biển và 45% trong số đó phải đi qua Biển Đông. Nhiều nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào tuyến đường giao thông này như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Xingapo và Trung Quốc. Do đó, Biển Đông có vai trò hết sức quan trọng đối với tất cả các nước trong và ngoài khu vực về kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao thông hàng hải.

- Đối với Việt Nam, Biển Đông đóng vai trò quan trọng về kinh tế và quốc phòng, an ninh, Biển Đông nằm trong tuyến phòng thủ hướng Đông của Việt Nam. Các đảo và quần đảo trên Biển Đông, đặc biệt là quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa, không chỉ có ý nghĩa trong việc kiểm soát các tuyến đường biển qua lại Biển Đông mà còn có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng.

2. Vị trí địa lý của biển, đảo Việt Nam và các vùng biển Việt Nam

a) Vị trí địa lý của biển, đảo Việt Nam

- Việt Nam là quốc gia ven biển nằm bên bờ Tây của Biển Đông (tiếp giáp với Biển Đông ở cả ba phía: Đông, Nam và Tây Nam), có vị trí địa chính trị và địa kinh tế quan trọng bậc nhất trong khu vực. Với chiều dài bờ biển trên 3.260 km trải từ Bắc xuống Nam, đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển, các quốc đảo và các lãnh thổ trên thế giới. Chỉ số chiều dài bờ biển trên diện tích đất liền của nước ta là xấp xỉ 0,01 (nghĩa là cứ 100 km² đất liền có 1km bờ biển), đứng đầu các nước Đông Dương, trên Thái Lan và xấp xỉ Malaysia. Trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển.

- Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và Luật Biển Việt Nam thì nước ta có diện tích biển khoảng trên 1 triệu km², gấp trên 3 lần diện tích đất liền, chiếm gần 30% diện tích Biển Đông. Vùng biển nước ta có hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ nằm trên thềm lục địa và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, được phân bố khá đều theo chiều dài bờ biển, có vị trí đặc biệt quan trọng như một tuyến phòng thủ tiền tiêu để bảo vệ sườn phía Đông đất nước. Một số đảo ven bờ còn có vị trí quan trọng được sử dụng làm các điểm mốc quốc gia trên biển để thiết lập đường cơ sở ven bờ lục địa Việt Nam, từ đó xác định vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, làm cơ sở pháp lý để bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

b) Các vùng biển Việt Nam

Luật Biển Việt Nam năm 2013 xác định vùng biển Việt Nam bao gồm nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, được xác định theo luật pháp Việt Nam, điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982.



Các vùng biển của Việt Nam.

* *Nội thủy*: Là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với nội thủy như lãnh thổ đất liền.

* *Đường cơ sở*: Là đường ranh giới phía trong của lãnh hải và phía ngoài của nội thủy, do quốc gia ven biển hay quốc gia quần đảo định ra phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982 để làm cơ sở xác định phạm vi của các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia. Là đường dùng làm căn cứ để tính chiều rộng lãnh hải và các vùng biển khác. Có hai loại đường cơ sở:

- *Đường cơ sở thông thường*: Là đường sử dụng ngăn nước thủy triều thấp nhất ven bờ biển hoặc hải đảo.

- *Đường cơ sở thẳng*: Là đường nối các điểm hoặc đảo nhô ra nhất của bờ biển lục địa hoặc đảo. Đường cơ sở thẳng áp dụng khi bờ biển quốc gia ven biển bị chia cắt hoặc có chuỗi đảo gắn liền và chạy dọc theo bờ biển.

Nước ta có chuỗi đảo chạy dọc theo bờ biển được vận dụng để xác định đường cơ sở thẳng. Năm 1982, Chính phủ nước ta ra tuyên bố xác định đường cơ sở thẳng ven bờ lục địa Việt Nam gồm 10 đoạn nối 11 điểm. Trừ điểm A8 nằm trên mũi Đại Lãnh (Phú Yên), các điểm còn lại đều nằm trên các đảo. Điểm 0 nằm trên ranh giới phía Tây Nam của vùng nước lịch sử Việt Nam - Campuchia. Điểm A1: Hòn Nhạn (Kiên Giang); A2: Hòn Đá Lẻ (Cà Mau); A3: Hòn Tài Lớn; A4: Hòn Bông Lan; A5: Hòn Bảy Cạnh (Bà Rịa - Vũng Tàu); A6: Hòn Hải (nhóm đảo Phú Quý - Bình Thuận); A7: Hòn Đồi (Khánh Hòa); A8: Mũi Đại Lãnh (Khánh Hòa); A9: Hòn Ông Cẩn (Bình Định); A10: Đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi); A11: Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị).

* *Lãnh hải*: Là vùng biển có chiều rộng 12 hải lý (01 hải lý tương đương 1.852m) tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.

Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn đối với lãnh hải và vùng trời, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của lãnh hải. Theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, chủ quyền đối với vùng lãnh hải không phải là tuyệt đối như vùng nội thủy, tàu thuyền các nước khác được “đi qua không gây hại” trong lãnh hải. Các quốc gia ven biển có quyền ấn định các tuyến đường, quy định việc phân chia các luồng giao thông dành cho tàu nước ngoài đi qua lãnh hải nhằm bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích của mình.

* *Vùng tiếp giáp lãnh hải*: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lý tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện kiểm soát trong vùng tiếp giáp lãnh hải của mình nhằm ngăn ngừa và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hải quan, thuế, y tế, xuất nhập cảnh xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải Việt Nam.

* *Vùng đặc quyền kinh tế*: Là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về việc thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật và không sinh vật ở vùng nước, ở đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển của vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; có quyền và thẩm quyền riêng biệt về các hoạt động khác phục vụ cho việc thăm dò và khai thác vùng đặc quyền kinh tế nhằm mục đích kinh tế; có thẩm quyền riêng biệt về nghiên cứu khoa học trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam; có thẩm quyền trong bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

** Thêm lục địa:* Là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này cách đường cơ sở chưa đủ 200 hải lý thì thêm lục địa nơi đó được kéo dài đến 200 hải lý tính từ đường cơ sở.

Trong trường hợp mép ngoài của rìa lục địa này vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở thì thêm lục địa nơi đó được kéo dài không quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc không quá 200 hải lý tính từ đường đẳng sâu 2.500 mét.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lý tất cả các tài nguyên thiên nhiên ở thêm lục địa Việt Nam bao gồm tài nguyên khoáng sản, tài nguyên không sinh vật và tài nguyên sinh vật thuộc loại định cư ở thêm lục địa Việt Nam.

II. QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA VỀ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN TRÊN BIỂN ĐÔNG HIỆN NAY

1. Một số văn bản của Đảng và Nhà nước khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam

a) Một số nghị quyết, chỉ thị của Đảng

- Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 6 tháng 5 năm 1993 của Bộ Chính trị (khóa VII) về “Một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển trong những năm trước mắt”, chỉ rõ: “Trở thành một nước mạnh về biển là mục tiêu chiến lược xuất phát từ yêu cầu và điều kiện khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam”.

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 22 tháng 9 năm 1997 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về “Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Chỉ thị nhấn mạnh: “Vùng biển, hải đảo và ven biển là địa bàn chiến lược có vị trí quyết định đối với sự phát triển của đất nước ta, là tiềm năng và thế mạnh quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định: “Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây

dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với bảo vệ an ninh trên biển”¹.

- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9 tháng 2 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X “Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”. Nghị quyết xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể; quan điểm chỉ đạo về xây dựng Chiến lược biển; định hướng Chiến lược biển Việt Nam. Trong đó, mục tiêu tổng quát là đến năm 2020, phấn đấu đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu lên từ biển, đảm bảo vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho đất nước giàu mạnh. Đây là lần đầu tiên Đảng ta có một Chiến lược biển toàn diện, có tầm nhìn chiến lược rộng, tính bao quát cao trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế, môi trường...

- Đặc biệt, ngày 22 tháng 10 năm 2018, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 36-NQ/TW). Nghị quyết xác định quan điểm chỉ đạo; mục tiêu đến năm 2030 (bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể) và tầm nhìn đến năm 2045; một số chủ trương lớn và khâu đột phá; các giải pháp chủ yếu. Trong đó, mục tiêu tổng quát là đến năm 2030, đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đạt cơ bản các tiêu chí về phát triển bền vững kinh tế biển; hình thành văn hóa sinh thái biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn xu thế ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển quan trọng. Những thành tựu khoa học mới, tiên tiến, hiện đại trở thành nhân tố trực tiếp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế biển.

Về tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn; kinh tế biển đóng góp quan trọng vào nền kinh tế đất nước, góp phần xây dựng nước ta thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tham gia chủ động và có trách nhiệm vào giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực về biển và đại dương.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển”².

b) Một số văn bản của Nhà nước

- Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12 tháng 5 năm 1977 về lãnh hải, vùng biển tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Theo Điều 5, Tuyên bố chỉ rõ: “Các đảo và quần đảo

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 182.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, tr.157.

như Hoàng Sa, Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải Việt Nam đều có vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa riêng”. Như vậy, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với những khu vực này như các vùng tương ứng nằm trong lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam. Tuyên bố trên thể hiện đường lối đối ngoại hòa bình của Nhà nước ta, khẳng định nguyên tắc giải quyết tranh chấp, bất đồng liên quan tới biển với các nước liên quan thông qua thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế.

- Tuyên bố của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 12 tháng 11 năm 1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam.

- Nghị quyết của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, tại Kỳ họp thứ 5, ngày 23 tháng 6 năm 1994 về việc phê chuẩn “Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982”; Nghị quyết tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa: “Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và chủ trương giải quyết các bất đồng liên quan đến Biển Đông thông qua thương lượng hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế”.

- “Luật Biên giới quốc gia” được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003, tại Điều 1, Chương 1 ghi rõ: “Biên giới quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đường và mặt thẳng đứng theo đường đó để xác định giới hạn lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Theo Luật, biên giới quốc gia trên biển được hoạch định và đánh dấu bằng các tọa độ trên hải đồ là ranh giới phía ngoài lãnh hải của đất liền, lãnh hải của đảo, lãnh hải của quần đảo của Việt Nam được xác định theo công ước giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan. Các đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa xác định chủ quyền, quyền tài phán của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các điều ước quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia hữu quan.

- Luật Biển Việt Nam được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21 tháng 6 năm 2012, đã quy định một cách đầy đủ hơn, phù hợp với quy định tương ứng trong Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2013; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Luật Thủy sản (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cùng nhiều luật của các ngành, lĩnh vực có nội dung liên quan đến biển, đảo.

2. Quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông hiện nay

a) Quan điểm

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc.

- Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển bền vững đất nước.

- Giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, vùng lãnh thổ, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn.

b) Chủ trương

- Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, thường xuyên trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự điều hành thống nhất của Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương trong giải quyết tranh chấp, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, dựa vào nội lực là chính, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, tranh thủ điểm đồng thuận, sự ủng hộ của các nước, nhất là các nước lớn, các nước trong khối ASEAN. Kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp đấu tranh chính trị, pháp lý, ngoại giao, kinh tế, quốc phòng và an ninh.

- Đấu tranh kiên trì, kiên quyết bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và các cam kết mà Việt Nam là thành viên; không gây căng thẳng, phản ứng quá mức, không để mắc mưu khiêu khích, rơi vào thế đối đầu, bị cô lập, bị lôi cuốn vào cạnh tranh chiến lược, xung đột vũ trang; không mơ hồ mất cảnh giác, né tránh, nhân nhượng vô nguyên tắc; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhưng sẵn sàng sử dụng lực lượng quân sự để tự vệ chính đáng, xử trí thắng lợi các tình huống.

- Giải quyết tốt các vụ việc; tiến hành các biện pháp đấu tranh trên thực địa từ thấp đến cao, không để nước ngoài lợi dụng sơ hở để kích động gây rối bên trong hoặc leo thang tranh chấp trên biển, đảo.

- Giải quyết tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông là vấn đề lâu dài, kiên trì, bền bỉ. Trước mắt cần giữ nguyên trạng, ngăn chặn, phản đối các nước xây dựng, cải tạo, nâng cấp, tăng cường hoạt động quân sự trên các đảo nhân tạo; kiên trì cùng các nước ASEAN và Trung Quốc thực thi có hiệu quả DOC, đồng thời nỗ lực cùng các nước ASEAN thúc đẩy xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC), đóng góp thiết thực vào việc giữ gìn hòa bình, ổn định ở Biển Đông.

- Tiếp tục khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; kiên định bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích chính đáng của Việt Nam trên Biển Đông; đấu tranh kiên quyết bác bỏ các yêu sách phi lý của các nước ở Biển Đông.

c) Giải pháp

** Về chính trị tư tưởng:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Quán triệt sâu sắc mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và

giải pháp được xác định trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhận thức rõ đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam, đối tượng tác chiến của Quân đội.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình tư tưởng, dư luận trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân, kịp thời định hướng tư tưởng, không để bị kích động. Tích cực, chủ động đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch, những thông tin, luận điệu xuyên tạc đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, kích động chia rẽ, phá hoại quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước, nhất là các nước láng giềng, nước lớn, chống các tư tưởng quá khích, đòi sử dụng vũ lực hoặc nhân nhượng vô nguyên tắc.

** Về thông tin tuyên truyền:*

- Tăng cường vai trò tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương và ngành tuyên giáo các cấp, thống nhất định hướng thông tin tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- Tăng cường phối hợp giữa các ban, bộ, ngành, địa phương trao đổi, chia sẻ thông tin, chủ động cung cấp thông tin có định hướng tư tưởng, dư luận trong nước và quốc tế về các vấn đề trên Biển Đông, không để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, kích động, gây khó khăn cho ta.

- Thường xuyên làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, thống nhất nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ chủ quyền biển, đảo theo đúng luật pháp quốc tế.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân trên các vùng biển, đảo, nhất là phổ biến Luật biển để hạn chế tình trạng ngư dân khai thác trái phép, vi phạm chủ quyền vùng biển nước khác. Thông tin cho ngư dân trên biển, khi bị các lực lượng nước ngoài bắt giữ phải bình tĩnh xử lý, không manh động, không ký vào các văn bản thừa nhận Hoàng Sa, Trường Sa là của nước ngoài để tránh bị kẻ xấu lợi dụng tuyên truyền sai sự thật.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của các nước, nhất là các nước lớn, các nước láng giềng, các nước ASEAN, các nhân sĩ trí thức tiến bộ và kiều bào ta ở nước ngoài để phản đối những hành động xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

** Về đối ngoại:*

- Tiếp tục đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, tạo sự đan xen về lợi ích chiến lược, sức mạnh tổng hợp để bảo vệ chủ quyền. Trọng tâm là củng cố, tăng cường quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng. Tận dụng các diễn đàn, các cơ chế song phương, đa phương, tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế; tranh thủ các học giả, nhân sĩ có uy tín trên thế giới viết bài, tổ chức hội thảo quốc tế ủng hộ các quan điểm của Việt Nam.

- Vừa hợp tác, vừa đấu tranh, phản đối, yêu cầu nước ngoài dừng hoạt động đối với việc thăm dò, khai thác xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài

phán trong vùng biển Việt Nam. Lấy xây dựng lòng tin chiến lược làm cơ sở để đấu tranh; bằng mọi kênh tiếp xúc, ngoại giao, cố gắng không để xảy ra xung đột, làm “đứt gãy” quan hệ hữu nghị với các nước. Tăng cường quan hệ hợp tác với Trung Quốc, Lào và Campuchia, các nước ASEAN, không để nước ngoài lợi dụng, kích động, gây sức ép trên bộ khi xảy ra bất ổn trên biển, đảo.

- Thúc đẩy thiết lập và nâng cao hiệu quả hoạt động các đường dây nóng của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng Việt Nam với Trung Quốc và các nước láng giềng, các nước liên quan tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông.

- Tăng cường các bản ghi nhớ với các lực lượng thực thi pháp luật trên biển của các nước có biển tiếp giáp với Việt Nam. Tổ chức tuần tra chung ở các vùng biển đã được phân định; cùng các nước ASEAN diễn tập cứu hộ, cứu nạn; nghiên cứu phương án phối hợp tuần tra chung bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông.

- Coi trọng quan hệ với Trung Quốc trong khuôn khổ hợp tác, đối tác chiến lược toàn diện, xây dựng tình đoàn kết hữu nghị và thực hiện các cam kết đã ký với Trung Quốc. *Thực hiện phương châm “16 chữ”: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” và tinh thần “4 tốt”: “Láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”*. Chủ động, tích cực đẩy nhanh tiến trình xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC).

** Về pháp lý:*

- Tuân thủ các quy định của luật pháp quốc tế, thực hiện nghiêm các cam kết mà Việt Nam đã tham gia ký kết, nhất là Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982, DOC và các hiệp định về biển, thực hiện các biện pháp duy trì hòa bình, giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo trên cơ sở luật pháp quốc tế, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

- Tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm các tài liệu, tư liệu, chứng cứ lịch sử, pháp lý khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa làm cơ sở để đấu tranh pháp lý. Tích cực, chủ động xây dựng hồ sơ pháp lý để phục vụ đấu tranh ngoại giao, đấu tranh dư luận và sẵn sàng phương án đưa ra cơ quan tài phán quốc tế khi thời cơ thuận lợi.

- Nắm chắc luật pháp quốc tế và tình hình thực địa, vùng thông báo bay, kiên quyết phản đối máy bay, tàu chiến nước ngoài xâm phạm lãnh hải và vùng trời trên các đảo mà ta đang quản lý. Yêu cầu các nước phải xin phép khi đưa máy bay, tàu, các phương tiện quân sự vào khu vực ta đóng quân. Yêu cầu Tổ chức Hàng không quốc tế thực hiện đúng thỏa thuận về vùng thông báo bay, bảo đảm an toàn bay quốc tế trên Biển Đông.

- Tích cực đấu tranh phản đối các yêu sách phi lý của các nước ở Biển Đông.

** Về quốc phòng - an ninh:*

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung, điều chỉnh và tăng cường huấn luyện các phương án tác chiến bảo vệ biển, đảo.

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển và bảo vệ vùng trời. Hoàn thiện hệ thống quan sát, trinh sát, chỉ thị mục tiêu, thông tin trên biển, nâng cao khả năng quan sát, theo dõi, phát hiện từ sớm, từ xa để chủ động đối phó với các tình huống, không để bị động, bất ngờ.

- Đầu tư sản xuất, mua sắm vũ khí, trang bị, phương tiện hiện đại hóa một số quân, binh chủng, lực lượng đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới. củng cố, hoàn thiện hệ thống công sự trên địa, tổ chức các biện pháp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tăng cường khả năng phòng ngự bảo vệ các đảo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển.

** Về kinh tế - xã hội:*

- Đẩy mạnh các hoạt động nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, phát triển mạng lưới giao thông, du lịch, nghiên cứu khoa học và bảo vệ môi trường biển. Tiếp tục có chính sách hỗ trợ ngư dân bám biển, triển khai các trạm dịch vụ hậu cần, kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, dịch vụ y tế...; xây dựng các nghiệp đoàn, tổ, đội hoạt động nghề cá để tham gia hoạt động trên các vùng biển xa, kịp thời hỗ trợ lẫn nhau.

- Tích cực bảo hộ ngư dân, tàu cá, bảo vệ ngư trường truyền thống của ta. Tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài thăm dò, khai thác, cùng hợp tác khai thác, nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường biển...

III. TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN ĐỘI VÀ MỖI QUÂN NHÂN TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

1. Trách nhiệm của quân đội

- *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới.* Các đơn vị quân đội cần chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Nội dung tuyên truyền chú trọng vào các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về biển, đảo, Luật Biển Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, DOC, các Hiệp định đã ký kết về phân định ranh giới trên biển giữa nước ta với các nước có liên quan... Tuyên truyền về những thuận lợi và khó khăn, những thành tựu trong phát triển kinh tế biển, trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của các đơn vị quân đội. Đặc biệt, phải đấu tranh vạch rõ mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch xuyên tạc về chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

Thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền phù hợp, linh hoạt, sáng tạo, nhạy bén, sát với tình hình thực tiễn. Cần phát huy hiệu quả các hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, phát hành tài liệu, tờ rơi, phim ảnh, hội thảo, tọa đàm, sinh hoạt của các tổ chức, đoàn thể...; gắn công tác tuyên truyền với việc thực hiện nhiệm vụ chính

trị, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua Quyết thắng, làm cho công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo ở các đơn vị, địa phương phát triển sâu rộng, có hiệu quả.

- *Thực hiện tốt vai trò là lực lượng nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên hướng biển.* Quân đội với chức năng, nhiệm vụ của mình phải thực sự là lực lượng nòng cốt xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên biển, đảo; trong đó, Quân chủng Hải quân, Cảnh sát biển Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Phòng không - Không quân, các lực lượng dân quân, tự vệ biển, các quân khu ven biển là lực lượng chủ yếu. Chủ động nắm chắc diễn biến tình hình trên biển, nâng cao khả năng dự báo, kịp thời tham mưu với Đảng, Nhà nước về các chủ trương, đối sách chiến lược; phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và các địa phương xử lý kịp thời, chính xác mọi tình huống.

Các cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ trên biển, đảo, nhà giàn và các vùng ven biển chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương có liên quan và các địa phương xây dựng, tổ chức thực hiện tốt chiến lược bảo vệ biển, đảo; xây dựng khu vực phòng thủ các tỉnh (thành phố) ven biển vững mạnh, đặc biệt là xây dựng các đảo và quần đảo trở thành các pháo đài hay các huyện đảo phòng thủ kiên cố; xây dựng các cụm lực lượng để thực hiện việc quản lý, kiểm soát các vùng biển, đảo; nghiên cứu hoàn thiện các kế hoạch, phương án tác chiến phòng thủ từ hướng biển và thường xuyên tổ chức luyện tập theo kế hoạch, phương án xác định. Tăng cường tuần tra, kiểm soát, thực thi pháp luật trên biển và bảo vệ vùng trời. Khi có tình huống phức tạp: máy bay, tàu chiến, lực lượng quân sự nước ngoài có tình xâm phạm vùng lãnh hải và vùng trời trên các đảo ta đang quản lý, phải hết sức kiềm chế; chấp hành nghiêm mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên; không manh động sử dụng vũ lực; áp dụng kinh nghiệm xử lý giàn khoan Hải Dương 981, khéo léo xử lý tình huống, không để nước ngoài tạo cơ gây xung đột vũ trang và chiến tranh trên biển.

- *Tập trung xây dựng lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo vững mạnh đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam trong tình hình mới.* Trong đó, tập trung xây dựng lực lượng Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, dân quân tự vệ biển đủ mạnh, có số lượng hợp lý, chất lượng tổng hợp cao, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở. Chú trọng **“nâng cao năng lực thực thi pháp luật của các lực lượng làm nhiệm vụ ở biên giới, biển, đảo”**³. Đồng thời, nâng cao trình độ kỹ, chiến thuật, trình độ hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng, đảm bảo khả năng xử lý linh hoạt và hiệu quả các tình huống có thể xảy ra trên biển; quan tâm đúng mức đến công tác đảm bảo vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các lực lượng nòng cốt như Hải quân và Cảnh sát biển phù hợp với xu thế phát triển trong khu vực và yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị. Kết hợp chặt chẽ giữa sức mạnh của bộ đội chủ lực với khả năng xử lý tình huống mau lẹ, trực tiếp của các lực lượng quân sự và dân sự ở các địa phương ven biển, luyện tập các phương án hợp đồng tác chiến trên biển, kết hợp chặt chẽ nghệ thuật tác chiến truyền thống

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, tập 1, tr. 158.

của dân tộc với các phương án tác chiến sử dụng vũ khí công nghệ cao trong xử lý các tình huống có thể xảy ra.

- *Chủ động xây dựng kế hoạch tham gia xây dựng, phát triển kinh tế biển, đảo cả về quy mô và hình thức.* Trước mắt, cần tích cực triển khai xây dựng các Khu kinh tế - quốc phòng trên biển, đảo, trọng tâm là xây dựng các khu căn cứ bờ để cung cấp nhu cầu hậu cần, kỹ thuật cho các lực lượng hoạt động trên vùng biển; xây dựng các âu tàu cho tàu thuyền của ngư dân vào neo đậu tránh bão và sử dụng các dịch vụ hậu cần nghề cá tại các điểm có điều kiện; xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu để thu hút ngày càng nhiều ngư dân ra làm ăn sinh sống ở các đảo, quần đảo có điều kiện.

Tham gia phát triển các loại hình kinh tế biển có hiệu quả và mang tính chất lưỡng dụng, bảo đảm kết hợp tốt giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh trên biển, đảo; coi trọng phát triển các hoạt động nghề cá trên các vùng biển, đảo; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch trên biển, đảo; phát triển các loại hình dịch vụ về cảng biển, vận tải biển, bảo vệ, nghiên cứu khoa học một số lĩnh vực về kinh tế biển. Phối hợp với các lực lượng có liên quan trong việc tổ chức tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ môi trường biển, đảo; phối hợp chặt chẽ với các địa phương, đẩy mạnh kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

- *Tham gia xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.*

Các đơn vị đóng quân trên biển, đảo cần tích cực tham gia xây dựng các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, hướng dẫn, hỗ trợ và bảo vệ hoạt động sản xuất của nhân dân trên các vùng biển, đảo; tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân bám biển sản xuất, đồng thời thực hiện đúng các qui định của luật pháp quốc tế, Luật Biển Việt Nam khi hoạt động trên biển và kiên quyết đấu tranh chống mọi hành động xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Tham gia xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của các phong trào chính trị - xã hội ở địa phương, nhất là các phong trào xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, giữ gìn quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần xây dựng địa bàn đóng quân và vùng biển, đảo an toàn, vững mạnh. Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, chính quyền địa phương tổ chức có hiệu quả việc bảo vệ và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục thiên tai trên biển.

2. Trách nhiệm của quân nhân

- Tích cực học tập, nghiên cứu, quán triệt và thực hiện tốt quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo; nắm vững những cơ sở pháp lý, nhất là các văn bản pháp luật về biển, đảo trong phạm vi quốc gia cũng như luật pháp quốc tế; nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước

ta về chủ trương giải quyết các bất đồng, tranh chấp chủ quyền trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

- Trung thành tuyệt đối với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân; có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, ý chí quyết tâm cao; có ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo; chấp hành nghiêm kỷ luật, sẵn sàng chấp nhận hy sinh để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thêm lực địa thiêng liêng của Tổ quốc.

- Quán triệt và nắm chắc phương châm, tư tưởng chỉ đạo khi xử lý tình huống theo tinh thần: tránh xung đột về quân sự, tránh bị cô lập về kinh tế, tránh bị cô lập về ngoại giao và tránh bị lệ thuộc về chính trị; không tham gia bất cứ liên minh quân sự nào, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự tại Việt Nam và không sử dụng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực; đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh, kiên trì, khôn khéo, không khiêu khích, không mắc mưu khiêu khích, kiềm chế, không nổ súng trước, không để nước ngoài lấn chiếm biển, đảo và không để xảy ra xung đột, đụng độ.

- Nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nhận rõ đối tượng, đối tác trong giải quyết vấn đề Biển Đông. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại mọi hành động xâm phạm, lấn chiếm chủ quyền biển, đảo, các hành vi phá hoại, hoặc khai thác trái phép làm xâm hại đến chủ quyền biển, đảo, lợi ích quốc gia - dân tộc và môi trường biển của Việt Nam.

- Thường xuyên học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, nhất là trình độ tác chiến, trình độ kỹ chiến thuật, làm chủ các loại vũ khí trang bị; khắc phục mọi khó khăn gian khổ, bám trụ kiên cường, quyết tâm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo được giao.